

Số: ~~178~~ /KH-UBND

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH

Triển khai xác định Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính năm 2020 đối với các Sở, cơ quan tương đương Sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

Căn cứ Quyết định số 7216/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) nhà nước năm 2020 của thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 đối với các Sở, cơ quan tương đương Sở và UBND các quận, huyện, thị xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định kết quả Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 của các Sở, cơ quan tương đương Sở, UBND các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội.

2. Yêu cầu

- Các đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc tham gia phối hợp triển khai xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 của các Sở, cơ quan tương đương Sở, UBND các quận, huyện, thị xã đảm bảo chất lượng công việc và tiến độ được giao.

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ, trách nhiệm về đánh giá, chấm điểm công tác CCHC của cơ quan, đơn vị, bảo đảm trung thực, chính xác, đúng thời gian quy định.

- Tổ chức điều tra xã hội học (ĐTXHH) khách quan, khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CCHC

Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 đối với các Sở, cơ quan tương đương Sở và UBND các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội được xác định trên cơ sở điểm tự đánh giá của của các Sở, cơ quan tương đương Sở, UBND các quận, huyện, thị xã (có sự thẩm định, điều chỉnh của Hội đồng thẩm định, đánh giá xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC của Thành phố) và điểm ĐTXHH.

1. Triển khai tự đánh giá và thẩm định điểm tự đánh giá

1.1. Tự đánh giá

Các Sở, cơ quan tương đương Sở, UBND các quận, huyện, thị xã tự đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan mình theo hướng dẫn của Sở Nội vụ (*hoàn thành và gửi Sở Nội vụ trước ngày 22/12/2020*).

1.2. Thẩm định điểm tự đánh giá

Các thành viên Hội đồng thẩm định, đánh giá xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC của Thành phố thẩm định kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của các Sở, cơ quan tương đương Sở, UBND các quận, huyện, thị xã (*tháng 01/2021*).

2. Đánh giá qua ĐTXHH

- ĐTXHH được tiến hành lấy ý kiến của các nhóm đối tượng: Đại biểu hội đồng nhân dân (HĐND) Thành phố Hà Nội; cán bộ, công chức, viên chức thuộc sở; lãnh đạo phòng cấp huyện; doanh nghiệp, tổ chức có giao dịch thủ tục hành chính; người dân (cá nhân) có giao dịch thủ tục hành chính; Đại biểu HĐND cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức thuộc huyện; lãnh đạo UBND cấp xã; cá nhân, hộ kinh doanh, tổ chức có giao dịch thủ tục hành chính; người dân (cá nhân) trên địa bàn.

- Phiếu ĐTXHH thuộc các nhóm đối tượng Đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, viên chức, lãnh đạo UBND cấp xã được xây dựng dựa trên các tiêu chí, tiêu chí thành phần ĐTXHH đã được phê duyệt theo Quyết định số 6677/QĐ-UBND, ngày 25/9/2017 của UBND Thành phố.

- Phiếu ĐTXHH thuộc các nhóm đối tượng là doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh có giao dịch thủ tục hành chính; người dân (cá nhân) có giao dịch thủ tục hành chính thực hiện theo mẫu phiếu quy định tại Phụ lục 2 Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 01/7/2020 của UBND Thành phố về khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố năm 2020.

- Thời gian điều tra: *từ tháng 9/2020 đến 30/11/2020*; thực hiện thu thập thông tin với mỗi đối tượng điều tra theo tình hình cụ thể của các đơn vị.

- Thời kỳ đánh giá: Thu thập thông tin về kết quả công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị phát sinh *từ 01/01/2020 đến 30/11/2020*.

- Xử lý số liệu và tổng hợp kết quả ĐTXHH xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 của các Sở, cơ quan tương đương Sở, UBND quận, huyện, thị xã (*tháng 01/2021*).

3. Xác định kết quả Chỉ số đánh giá kết quả CCHC

- Tổng hợp kết quả thẩm định và kết quả ĐTXHH, xây dựng báo cáo kết quả Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 của các Sở, cơ quan tương đương Sở, UBND quận, huyện, thị xã (*tháng 02/2021*).

- Hội đồng thẩm định, đánh giá kết quả xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC của Thành phố và trình UBND Thành phố công bố kết quả Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 của các Sở, cơ quan tương đương Sở, UBND quận, huyện, thị xã (tháng 3/2021).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cơ quan, đơn vị căn cứ nội dung và tiến độ tại mục II của Kế hoạch này, tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ sau

1. Giám đốc/ Thủ trưởng các Sở, cơ quan tương đương Sở; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện trong phạm vi, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị (xong trong tháng 9/2020); xây dựng báo cáo tự đánh giá kết quả công tác CCHC theo hướng dẫn của Sở Nội vụ (hoàn thành và gửi về Sở Nội vụ trước ngày 22/12/2020).

- Phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, đơn vị phát, thu phiếu tổ chức ĐTXHH theo yêu cầu của UBND Thành phố.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng văn bản hướng dẫn tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của các Sở, cơ quan tương đương Sở, UBND các quận, huyện, thị xã; tổ chức Hội nghị triển khai hướng dẫn đánh giá xác định Chỉ số CCHC năm 2020 (tháng 9/2020).

- Xây dựng Kế hoạch giám sát công tác ĐTXHH phục vụ việc xác Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 của các Sở, cơ quan tương đương Sở, UBND các quận, huyện, thị xã (tháng 9/2020).

- Trình UBND Thành phố ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC (thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng - Chủ tịch UBND Thành phố; Phó chủ tịch Hội đồng - Giám đốc Sở Nội vụ, các thành viên Hội đồng: Thủ trưởng/Giám đốc các Sở, cơ quan tương đương Sở; Văn phòng UBND Thành phố; Sở Tư pháp; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Sở Thông tin và Truyền thông; Thanh tra Thành phố; Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội).

- Ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác giúp việc Hội đồng (thành phần: Tổ trưởng là Giám đốc Sở Nội vụ, Tổ phó là Trưởng phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ, các thành viên là đại diện các Sở, cơ quan tương đương Sở có liên quan, Thư ký là Phó Trưởng phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ).

3. Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội

- Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ xây dựng, trình UBND Thành phố ban hành Kế hoạch điều tra xã hội học phục vụ việc xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 theo các nội dung, tiêu chí ĐTXHH kèm theo Phụ lục tại Kế hoạch này (trình UBND Thành phố ban hành trước ngày 15/9/2020).

- Báo cáo kết quả ĐTXHH xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 của các Sở, cơ quan tương đương Sở về Thường trực Hội đồng thẩm định (Sở Nội vụ) (tháng 01/2021).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách của Thành phố thực hiện công tác CCHC phân bổ cho các cơ quan, đơn vị năm 2020. Căn cứ các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị lập dự toán và thực hiện bố trí, thanh quyết toán kinh phí triển khai theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ Tài chính, Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ và theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

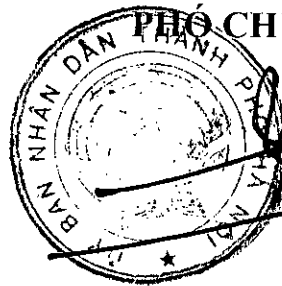
Trên đây là Kế hoạch xây dựng và triển khai xác định Chỉ số đánh giá kết quả CCHC năm 2020 của các Sở và cơ quan tương đương Sở, UBND các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị báo cáo, phản ánh về UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các Sở và cơ quan tương đương Sở;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUBTP: CVP, các PCVP; Các phòng: NC, TKBT, HCTC, TH;
- Lưu: VT, NC(Bình), SNV

34572 - 13

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

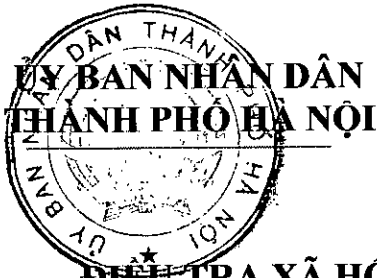


PHỤ LỤC 1
ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CÁC SỞ, CƠ QUAN TƯƠNG ĐƯƠNG SỞ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số ~~171~~ /KH-UBND ngày ~~04~~ /9/2020
của UBND Thành phố)

TT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa
1	2	3
1.4.3	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức về CCHC	1
1.6.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của Sở	1
1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của Sở	1
1.6.3	Sử dụng nguồn lực (nhân lực, tài chính...) cho công tác CCHC của Sở	1
1.6.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Sở	1
2.1.3	Tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thành phố do Sở tham mưu Thành phố ban hành	1
2.1.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thành phố do Sở tham mưu Thành phố ban hành	1
2.5	Tác động của hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến người dân, tổ chức	1
4.1	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức phòng, ban, đơn vị của Sở	1
4.2	Tính hợp lý trong việc Sở tham mưu UBND thành phố phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực giữa Sở và Huyện	1
4.3	Kết quả thực hiện công tác tiếp công dân và tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Sở	1
4.4	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của Sở	0,5
5.7.1	Năng lực giải quyết công việc của công chức, viên chức	1
5.7.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức, viên chức	1

TT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa
5.7.3	Thái độ phục vụ của công chức, viên chức	1
5.7.4	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức, viên chức	1
5.8.2	Thực hiện Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan và nơi công cộng	1
6.1.4	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của Sở và các đơn vị trực thuộc Sở	0,5
6.1.5	Tác động của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại sở, chi cục trực thuộc và cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	0,5
6.1.6	Đảm bảo phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định	0,5
7.1.4	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp	0,5
7.1.6	Mức độ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc của cán bộ, công chức, viên chức	0,5
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở	0,5
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.	0,5
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở	0,5
7.3.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO 9001	0,5
9.2	Kết quả Chỉ số hài lòng	10
9.2.1	Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ	1,5
9.2.2	Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC	1,5
9.2.3	Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC	2,5
9.2.4	Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC	2
9.2.5	Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC	2,5
	TỔNG ĐIỂM	31



PHỤ LỤC 2
ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CCHC
UBND CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 178 /KH-UBND ngày 04/9/2020
của UBND Thành phố)*

STT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điều tối đa
1	2	3
1.4.3	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức về CCHC	1
1.6.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của Huyện	0,5
1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của Huyện	0,5
1.6.3	Sử dụng nguồn lực (nhân lực, tài chính...) cho công tác CCHC của Huyện	1
1.6.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Huyện	1
2.1.3	Tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Huyện	0,5
2.1.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước Huyện	0,5
2.5	Tác động của hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với công dân, tổ chức	1
4.1	Mức độ thuận tiện của quy trình nội bộ đáp ứng việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân tổ chức	0,5
4.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp xã	0,5
4.3	Đánh giá thực hiện công tác tiếp công dân và tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Huyện	1
4.4.	Đánh giá thực hiện công tác tiếp công dân và tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Xã	1
4,5	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của Huyện	0,5
5.7.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức	1
5.7.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của cán bộ, công chức, viên chức	1
5.7.3	Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức	1
5.7.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1

STT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điều tối đa
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	của cán bộ, công chức, viên chức	
5.7.5	Mức độ hoàn thành theo chức trách nhiệm vụ được giao của Chủ tịch UBND cấp xã	1
5.7.6	Mức độ hoàn thành theo chức trách nhiệm vụ được giao của Trưởng phòng cấp huyện	1
5.9.2	Thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, nơi công cộng, nơi cư trú	0,5
6..1.4	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	0,5
6..1.5	Tác động của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của UBND huyện	0,5
6,4	Đảm bảo phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng (Theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP) thuộc Huyện theo quy định	0,5
7.1.2	Mức độ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc của cán bộ, công chức, viên chức	0,5
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin	0,5
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của huyện	0,5
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	0,5
7.3.6	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO 9001	0,5
9.2	Kết quả Chỉ số hài lòng	10
9.4.1	Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ	1,5
9.4.2	Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC	1,5
9.4.3	Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC	2,5
9.4.4	Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC	2
9.4.5	Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC	2,5
9.3	Chỉ số hài lòng của người dân về việc thực hiện một số nội dung PAPI của chính quyền	3
	TỔNG ĐIỂM	33